TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-10-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Lượng;
2. Ông Tống Văn Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Lài – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa***: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 386/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/10/2018, giữa các đương sự:

- *N đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1984; địa chỉ: Ấp Xây Đá A, xã HK, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Tổ 7, ấp 4, xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt;

- *Bị đơn*: Bà Đào Thị Thùy D, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Tổ 7, ấp 4, xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, N đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Đào Thị Thùy D tự nguyện tiến tới hôn nhân. Ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10, cấp ngày 29/01/2016.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng thời gian sau, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường bất đồng quan điểm sống và cãi vã nhau các vấn đề trong gia đình. Vì muốn có cuộc sống gia đình hạnh phúc nên ông N đã nhiều lần cố gắng hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành. Do tình cảm vợ chồng

không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N yêu cầu được ly hôn với bà Đào Thị Thùy D.

Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Đào N Kh, sinh ngày 16/01/2016. Khi ly hôn, ông Nguyễn Văn N đồng ý giao còn bà Đào Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đào N Kh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo thu nhập hiện tại của ông Nguyễn Văn N trên 7.500.000 đồng/tháng đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng tháng theo yêu cầu của bà D. Tuy nhiên, sau khi ly hôn ông N dự định về tỉnh Sóc Trăng sinh sống thì thu nhập của ông N không còn như hiện nay. Do đó, ông N chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.300.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

N đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ sau:

+ Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn;

+ Trích lục giấy khai sinh mang tên Nguyễn Đào N Kh;

+ Bản sao sổ tạm trú;

+ Bản photo hợp đồng lao động của Nguyễn Văn N;

+ Bản sao chứng minh nhân dân mang và sổ hộ khẩu tên Nguyễn Văn N và Đào Thị Thùy D.

+ Bảng sao kê tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Văn N.

Bị đơn bà Đào Thị Thùy D trình bày: Bà D thống nhất với lời trình bày của ông N về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn và N nhân mâu thuẫn. Bà D thừa nhận trong thời gian sống chung với ông N thì hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay xảy ra mâu thuẫn. Sau khi bà D sinh con thì ông N cũng không quan tâm gia đình, chăm sóc vợ con nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Mặc dù, ông bà đã cố gắng khắc phục để hòa thuận chăm lo cho con nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục sống chung nên bà D đồng ý ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Đào N Kh, sinh ngày 16/01/2016. Khi ly hôn, bà Đào Thị Thùy D đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đào N Kh.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay mức lượng của ông N trên 7.500.000 đồng/tháng nên ông N có đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Do đó, bà D yêu cầu ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình sống chung do ông N không chăm lo cho vợ con và ông N có vay tiền của người khác. Bà D đã vay tiền của Ngân hàng để trả nợ cho ông N và chi tiêu cho gia đình. Từ khi vay tiền của Ngân hàng bà D là người trả nợ hàng tháng cho Ngân hàng. Bà D không có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

Về nội D: Ông Nguyễn Văn N và bà Đào Thị Thùy D tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 29/01/2016. N nhân ông N yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không được nên ông N yêu cầu ly hôn với bà D là có căn cứ; về con chung ông N và bà D đã tự thỏa thuận bà D trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Đào N Kh là phù hợp;

Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn N đồng ý cấp dưỡng 1.300.000 đồng/tháng đến khi con chung tên Nguyễn Đào N Kh đủ 18 tuổi.

Bà Đào Thị Thùy D yêu cầu ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung tên Nguyễn Đào N Kh đủ 18 tuổi. Xét thấy, căn cứ theo bảng sao kê tài khoản ngân hàng do ông N cung cấp thì hàng tháng ông N có thu nhập trung bình là 7.000.000 đồng/tháng nên yêu cầu cấp dưỡng của bà D đối với ông N là có cơ sở.

Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

[1]. Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đào Thị Thùy D và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đào Thị Thùy D đăng ký tạm trú tại địa chỉ: Tổ 7, ấp 4, xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Đào Thị Thùy D là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 29/01/2016, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét, mâu thuẫn giữa ông N và bà D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Nguyễn Văn N và bà Đào Thị Thùy D thuận tình ly hôn nhưng ông bà không thỏa thuận được việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên Tòa án căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình *"Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo*

đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn" chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N.

[4]. Về con chung: Ông N và bà D có con chung tên Nguyễn Đào N Kh, sinh ngày 16/01/2016. Ông N và bà D tự nguyện thỏa thuận: Giao bà Đào Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đào N Kh, sinh ngày 16/01/2016. Ông N và bà D thỏa thuận người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn phù hợp quy định tại Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*" và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa ông N trình bày thu nhập hiện tại trên 7.500.000 đồng/tháng đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng theo yêu cầu của bà D. Tuy nhiên, ông N cho rằng sau khi ly hôn ông N sẽ thay đổi công việc mức thu nhập không còn như hiện nay nên ông N chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.300.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Tại phiên tòa, bà D trình bày có nợ Ngân hàng nhưng bà D không có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về nợ chung. Trường hợp đương sự có đơn yêu cầu thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[7]. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[8]. Về án phí: N đơn phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" với bà Đào Thị Thùy D như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Đào Thị Thùy D.

- Công nhận sự tự N thỏa thuận của các đương sự về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đào N Kh, sinh ngày 16/01/2016 cho bà Đào Thị Thùy D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Buộc ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Đào N Kh, sinh ngày 16/01/2016 với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn N và bà Đào Thị Thùy D đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông N được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông N lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ. Tổng cộng: 600.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014317, ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU. Ông Nguyễn Văn N còn phải nộp 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N và bà Đào Thị Thùy D có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- UBND xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm